

THƯƠNG MẠI HOÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CẦU NỐI GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

CHUNG THỊ VÂN ANH

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày nhận bài: 18/10/2019; Ngày phân biện, biên tập và sửa chữa: 23/10/2019; Ngày duyệt đăng: 01/11/2019

ABSTRACT

Education is one of the fields strongly affected by the Industrial Revolution 4.0. International demand shows the development of a leading university always associated with high - tech research. In order to actualize the results of scientific research, it is necessary to promote the transformation enterprises. In this article, the author would like to present some issues of the actual state and commercialize solutions of scientific research results in Universities today.

Key words: Education, results of scientific research, association, invention...

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách mạng công nghệ 4.0 (CMCN 4.0) là cơ hội lớn để các trường đại học tiếp cận nhanh chóng, mới nhất với những tiến bộ khoa học công nghệ (KH&CN), phát huy vai trò trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và cung cấp các kết quả nghiên cứu. CMCN 4.0 cũng tạo nên sự cạnh tranh toàn cầu trong hệ thống giáo dục đại học trên thế giới; đặt ra thách thức đối với vai trò của các trường đại học trước sự gia tăng đầu tư gắn với những Viện, Trung tâm nghiên cứu, Doanh nghiệp và các trường đại học trong giai đoạn qua đã đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển trong lĩnh vực KH&CN.

Ngày nay, khoa học và công nghệ (KH&CN) đã trở thành nhân tố có tác động quyết định đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Thương mại hoá kết quả nghiên cứu góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển thị trường khoa học công nghệ. Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu ở các trường đại học trong nước hiện nay vẫn còn kém so với các trường trong khu vực và quốc tế; chưa kết nối được với nhu cầu của doanh nghiệp; chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức trong thời đại CMCN 4.0. Để nâng cao hiệu quả NCKH trong các trường đại học hiện nay thì hoạt động thương mại hoá kết quả NCKH là một trong những giải pháp tích cực thúc đẩy mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường KH&CN.

B. NỘI DUNG

I. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ THƯƠNG MẠI HOÁ KẾT QUẢ NCKH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Kết quả nghiên cứu được hiểu một cách khái quát là kết quả của một hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KH&CN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KH&CN (Điều 3, Khoản 3, Luật KH&CN) thường được định hình dưới dạng kết quả hay sản phẩm của một nhiệm vụ KH&CN (Điều 3, Khoản 13, Luật KH&CN năm 2013).

Theo Luật Thương mại năm 2005: "Hoạt động thương mại là hoạt động sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác". Như vậy, các hoạt động thương mại kết quả NCKH, hay gọi tắt là thương mại hóa kết quả NCKH là một quá trình mà qua đó kết quả nghiên cứu tiếp tục được phát triển, hoàn chỉnh trở thành sản phẩm có thể thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

1. Đặc điểm của thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Trong môi trường kinh doanh hiện nay, hai khái niệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thương mại hóa sản phẩm vẫn thường được nhắc đến khá thường xuyên. Hai khái niệm này có sự khác nhau cơ bản. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu thường gắn liền với các giai đoạn nghiên cứu và triển khai, hoạt động phổ biến hay lan truyền và chuyển

giao công nghệ trong nền kinh tế thị trường. Trong khi đó, thương mại hóa sản phẩm lại gắn liền với việc phân công lao động, sản xuất và trao đổi hàng hóa theo cơ chế thị trường. Có một số quan điểm cho rằng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu là quá trình chuyển hóa các kết quả nghiên cứu khoa học thành các quy trình công nghệ và các sản phẩm đó được bán trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Quá trình chuyển hóa đó được thực hiện thông qua hai loại hình hoạt động sau đây:

- Các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu của tổ chức KH&CN như "bán" hoặc "chuyển giao" các hoạt động đào tạo, hợp đồng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và sở hữu trí tuệ;

- Các hoạt động chuyển hóa tri thức khoa học và kết quả nghiên cứu khoa học thành sản phẩm thương mại và các quy trình công nghệ sản xuất, sản xuất thử nghiệm. Hiện nay, các tổ chức KH&CN hay các doanh nghiệp đã bắt đầu tiến hành thương mại hóa kết quả nghiên cứu dưới tác động của môi trường chính sách trong nước, như: chính sách đào tạo, nghiên cứu, thương mại, đổi mới, chuyển giao công nghệ,... Tuy nhiên, để hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả thì trước hết các bên tham gia hoạt động thương mại hóa cần phải có đủ năng lực, khả năng tạo ra các kết quả nghiên cứu phù hợp (tức là đáp ứng nhu cầu của khách hàng) và cần có các chính sách hỗ trợ đặc lực cho quá trình chuyển giao, phổ biến, lan truyền kết quả nghiên cứu đó đó.

Ngày nay, chúng ta cũng thường dựa vào số bằng sáng chế và giải pháp hữu ích để đánh giá quy mô, hiệu quả của hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Số lượng bằng sáng chế phản ánh tính hiệu quả thực tiễn của các kết quả nghiên cứu và năng lực nghiên cứu ứng dụng. Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp đã nhận ra giá trị to lớn của tri thức, tài sản trí tuệ và một số nơi đã thực hiện giao dịch liên quan đến nguồn lực này. Tuy nhiên, số lượng sáng chế, kết quả nghiên cứu của các trường đại học, viện nghiên cứu được chuyển giao cho cộng đồng doanh nghiệp để áp dụng, thương mại hóa rất hạn chế. Phần lớn hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu chủ yếu mang tính tự phát, chưa có tổ chức chuyển giao chuyên nghiệp nên chưa phát huy được tiềm năng và hiệu quả sử dụng.

2. Thương mại hoá kết quả NCKH ở các trường đại học và doanh nghiệp hiện nay

Trong nền giáo dục 4.0, trường học không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới, sáng tạo, giải quyết các nhu cầu, các vấn đề thực tiễn mang giá trị cho xã hội. Có thể nói, giáo dục 4.0 là mô hình giáo dục thông minh, tạo ra sự liên kết chủ yếu giữa các yếu tố nhà trường - nhà quản lý - nhà doanh nghiệp. Để trở thành trường đại học đào tạo và NCKH đạt cấp độ cao trong bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế thì hoạt động gắn kết, liên doanh với doanh nghiệp rất quan trọng để lan truyền và chuyển giao, ứng dụng công nghệ cũng như kết quả nghiên cứu trong nền kinh tế.

Hoạt động thương mại hoá kết quả NCKH tại các trường đại học giúp gắn kết tốt giữa 3 chủ thể: Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp để các kết quả nghiên cứu được ứng dụng nhằm đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững cho doanh nghiệp.

Theo Báo cáo kết quả khảo sát hoạt động khoa học công nghệ (KH&CN) tại 142 cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2011-2016 của một nhóm nghiên cứu độc lập được trình bày tại Hội nghị "Phát triển khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017 - 2025" do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức cho thấy, khu vực các trường đại học đóng góp hơn 1/2 (50,08%) tổng số nhân lực KH&CN của cả nước, giai đoạn 2011-2015, tổng số sản phẩm KH&CN của khối các trường đại học chiếm hơn 2/3 trong cả nước. 1

Đặc biệt, vấn đề thương mại hóa sản phẩm và chuyển giao KH&CN đã được các trường đại học quan tâm. Cụ thể, trong giai đoạn 2011-2015, khối trường đại học kỹ thuật công nghệ (9/16 trường) đã có 1.729 hợp đồng chuyển giao công nghệ được ký kết và thực hiện, tổng lợi nhuận từ nguồn thu các hợp đồng này là 553,09 triệu đồng.

Khối các trường Nông - Lâm - Ngư - Y có tổng cộng 570 sản phẩm ứng dụng được tạo ra, trong đó có 62 sản phẩm thuộc lĩnh vực y dược, 508 sản phẩm ứng dụng thuộc lĩnh vực nông lâm ngư. Các trường đại học khối khoa học xã hội và nhân văn có đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều kết luận của khoa học xã hội và nhân văn đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các nghị quyết, hoạch định các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. 2

Hiện nay, ở Việt Nam nhiều trường đại học trọng điểm đã và đang triển khai hoạt động nghiên cứu cơ bản, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu cơ bản vào địa hạt của nghiên cứu ứng dụng. Một số trường nổi bật với các hoạt động đó như: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Đại học Tôn Đức Thắng... Nhà nước hiện đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho những trường đại học trọng điểm này tham gia nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực mũi nhọn, trọng điểm và có tiềm lực lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc gia.

Bên cạnh những hoạt động nghiên cứu cơ bản, các trường đại học còn chú trọng đến hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ trong các lĩnh vực được quan tâm như công nghệ vật liệu mới, tự động hóa, nông nghiệp, cơ khí, công nghệ thông tin, môi trường... Hoạt động nghiên cứu ứng dụng trong khu vực các trường đại học có sự phân tầng và phân vùng khá rõ rệt. Các trường đại học trọng điểm thường tập trung vào các nghiên cứu hướng đến các sản phẩm quy mô quốc gia, vùng miền và đòi hỏi có hàm lượng nghiên cứu cao như phần mềm, công nghệ nano, chế phẩm sinh học, vật liệu mới và y tế... Trong khi các trường đại học vùng như Đại học Cần Thơ, Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên và nhiều trường đại học khác chủ yếu tập trung vào các nghiên cứu hướng tới các sản phẩm phục vụ lợi ích và nhu cầu thiết thực của chính các vùng, miền, địa phương đó.

Tuy nhiên, nếu so với tiềm lực về con người, cơ sở vật chất sẵn có thì những con số đã đạt được về khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học còn khiêm tốn và phần nào chưa kết nối với đời sống để giải quyết những vấn đề từ thực tiễn.

Đến nay, chưa có nhiều nhà khoa học của hệ thống trường đại học ở Việt Nam đạt giải thưởng cao ở quốc tế và chưa có nhóm nghiên cứu mạnh của hệ thống các trường đại học ở Việt Nam tham gia các chương trình nghiên cứu lớn của quốc tế.

Nguồn thu từ NCKH và chuyển giao khoa học và công nghệ còn rất thấp so với tổng nguồn thu của nhà trường. Các trường sống bằng số lượng đề tài chủ yếu dựa vào sản phẩm của đề tài; thiếu quy hoạch đầu tư trọng tâm, trọng điểm hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu và đào tạo; hoạt động

xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho KH&CN còn rất hạn chế.

Từ đó cho thấy rằng, mặc dù trường đại học, viện nghiên cứu là nguồn cung cấp tài sản trí tuệ vô cùng dồi dào và có nhiều tiềm năng nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy "nguồn lực" này chưa "cho" ra kết quả tương xứng với nguồn nhân lực trí tuệ sẵn có. Do vậy, có thể khẳng định rằng hoạt động nghiên cứu của các đại học hiệu quả chưa cao; cũng như các trường đại học vào doanh nghiệp ở nước ta còn yếu kém, chưa hiệu quả và rất hạn chế so với tiềm năng dồi dào của các trường và viện.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GẮN HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VỚI DOANH NGHIỆP NHẪM THƯƠNG MẠI HOÁ KẾT QUẢ NCKH

1. Gắn NCKH với nhu cầu thị trường

Hiện nay, mối liên kết giữa Nhà trường - Doanh nghiệp chưa được hình thành và gắn kết một cách rõ ràng. Một số trường chưa thật sự quan tâm và coi trọng việc liên kết với doanh nghiệp để tăng cường nghiên cứu ứng dụng, triển khai tạo đầu ra cho sản phẩm, nghiên cứu thúc đẩy chuyển giao công nghệ và thương mại hoá kết quả NCKH. Mặc dù phần nhiều các nghiên cứu thị trường chỉ dừng lại ở quy mô phòng thí nghiệm, có rủi ro khi triển khai ứng dụng vào sản xuất, thiếu vốn để sản xuất hàng loạt trong khi các doanh nghiệp có thể đáp ứng được nguồn vốn, có khả năng thương mại hoá các sản phẩm nhưng lại thiếu thông tin tiếp cận. Mặt khác, các nhà khoa học phẩm không giỏi nghiên cứu về thị trường, sản phẩm nghiên cứu có thể hiệu quả về mặt kỹ thuật nhưng thị trường không chấp nhận vì không hiệu quả kinh tế. Do vậy, rất cần đến vai trò nhà quản lý giáo dục ở các trường đưa ra những chính sách tốt hỗ trợ làm cầu nối giữa nhà nghiên cứu và doanh nghiệp như cung cấp kết quả nghiên cứu, sáng chế đáp ứng nhu cầu đổi mới dưới các hình thức như: tổ chức các hội chợ công nghệ, trình diễn công nghệ, ngày hội công nghệ, sản giao dịch công nghệ... Thông qua các hoạt động này, hiệu quả hoạt động của các kênh trung gian được nâng cao góp phần gắn kết hoạt động NCKH của các trường với thị trường và cụ thể ở đây là bước đầu thương mại hoá các kết quả NCKH.

Bên cạnh đó, các trường nên xem xét lại hiệu quả hoạt động của các Trung tâm, các phòng NCKH và chuyển giao công nghệ để từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp. Các trung tâm này cần thể hiện rõ vai trò làm cầu nối thu thập thông tin về đơn đặt hàng từ các Sở KH&CN, nhu cầu đổi mới công nghệ, các vấn đề khoa học - kỹ thuật của doanh nghiệp. Đây là bộ phận thu thập, tiếp nhận, xử lý, trả lời các thông tin có được từ đó sắp xếp, lựa chọn các vấn đề phù hợp với các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của trường để hình thành các đơn đặt hàng cho các nhóm nghiên cứu. Ngược lại, thông qua các trung tâm này truyền tải đến các doanh nghiệp khả năng hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực là thế mạnh của trường. Các Trung tâm này đóng vai trò trung gian chuyển nghiên cứu, quảng bá, khai thác, thương mại hoá kết quả NCKH ngay trong trường đại học.

2. Tăng cường mối liên kết giữa nhà nghiên cứu với doanh nghiệp

Trong quá trình thương mại hoá các sản phẩm NCKH thì mối liên hệ giữa nhà nghiên cứu và doanh nghiệp phải có sự gắn kết, hỗ trợ nhau. Không chỉ có doanh nghiệp tìm đến nhà khoa học mà các nhà khoa học phải chủ động tìm đến doanh nghiệp để quảng bá sản phẩm NCKH của mình. Thật vậy, các nhà nghiên cứu, chủ nhân của các kết quả NCKH, đồng thời họ cũng nắm giữ chìa khoá bí quyết khai thác, ứng dụng. Chính họ phải chủ động đưa kết quả nghiên cứu của mình vào ứng dụng, đồng thời phải phối hợp với doanh nghiệp cùng khai thác, ứng dụng; phải biết quan tâm đến nhu cầu của doanh nghiệp để cho ra sản phẩm NCKH đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Chính vì vậy, các trường đại học nên hoạch định kế hoạch dài hạn, tìm kiếm mối quan hệ gắn kết với doanh nghiệp như sau:

- Bước 1: Tìm doanh nghiệp thông qua quan hệ cá nhân, quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, web tuyển dụng.

- Bước 2: Gửi thư ngỏ, liên hệ qua điện thoại hoặc làm việc trực tiếp với doanh nghiệp.

(Xem tiếp trang 23)

1. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khoa-hoc-va-cong-nghe/Pages/Default.aspx?ItemID=4946>

2. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khoa-hoc-va-cong-nghe/Pages/Default.aspx?ItemID=4946>

trong cuộc sống. Họ luôn cho rằng lượng kiến thức mà mình tiếp thu được từ sách vở, từ thầy cô khi ngồi trên ghế nhà trường là đủ. Bởi vậy, họ không có ý chí phấn đấu trong việc lĩnh hội kiến thức.

Học tập suốt đời không chỉ học kiến thức mà hiện nay còn coi trọng kỹ năng mềm về đạo đức, lối sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm gì cũng khó. Nếu thanh niên không lắng nghe, tiếp thu và bổ sung thêm vốn kiến thức bản thân sẽ dẫn đến bị động, tư duy trì trệ, không nắm bắt được thời cơ và không thể vượt qua được những thách thức của đất nước trong thời đại mới.

Từ thực tế nêu trên càng thấy được giá trị của quan điểm học tập suốt đời theo tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó tự nhận thức và điều chỉnh bản thân theo chiều hướng tích cực. Để thực hiện tinh thần học tập suốt đời trong thanh niên, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, thanh niên phải luôn tiên phong và xác định rõ mục đích học tập, coi việc học tập là quá trình lâu dài. Dù mục đích học tập của mỗi cá nhân có thể khác nhau nhưng thanh niên đều phải xác định: "Học phải đi đôi với hành". Đây là sự kết hợp giữa lý luận với thực tiễn. Thanh niên sau khi được trang bị tri thức lý luận cần phải tiếp tục rèn luyện, để biết áp dụng lý thuyết đó vào thực tiễn, nếu không sẽ rơi vào bệnh giáo điều, xa rời cuộc sống.

Thứ hai, luôn xác định thái độ học tập nghiêm túc. Đồng thời luôn có tinh thần tự giác, tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong học tập. Sau khi đã có được mục tiêu học tập cho bản thân thì phải chủ động trong việc học, tìm tòi, bổ sung thêm kiến thức thực tiễn. Xác định học tập là công việc gắn với đời sống, luôn chủ động nghiên cứu, tích lũy tri thức. Ngoài ra, phải khiêm tốn trong quá trình học bởi khối lượng tri thức của loài người là không giới hạn.

Thứ ba, học tập toàn diện về tri thức và kỹ năng, nâng cao tinh thần học suốt đời. Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nước ngày càng phát triển. Việc lĩnh hội tri thức mới của nhân loại được đặt ra vô cùng thiết yếu và cấp bách, là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi thanh niên - những người nắm trong tay vận mệnh của dân tộc. Tinh thần học tập suốt đời theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp hoàn toàn với xu thế chung của thế giới, ở mọi hoàn cảnh. Để theo kịp bước tiến không ngừng nghỉ của thế giới, thanh niên cũng cần phải học tập không ngừng nghỉ để bắt kịp thời đại. Đồng thời luôn tự giác trau dồi các kỹ năng để phát triển bản thân như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, biết lắng nghe, tự giác tập và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, mỗi cá nhân cần nghiêm túc soi xét và tự kiểm điểm bản thân khi chính mình đã có những lúc lười biếng, không học theo tinh thần học tập suốt đời của Bác Hồ. Từ thực tế ấy, tôi thấy mình cần quán triệt bản thân luôn suy nghĩ và thay đổi tinh thần học tập.

Trong quá trình học tập và làm việc, thanh niên cần tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn năng động, sáng tạo, luôn thay đổi bản thân và ngày càng nỗ lực, quyết tâm học hỏi không ngừng, không chỉ từ sách vở mà còn từ chính những người xung quanh, những người đồng chí, đồng nghiệp để xứng đáng là thế hệ thanh niên trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Kết luận số 86 - KL/TW ngày 24 - 1 - 2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.
3. Hồ Chí Minh (2001), Toàn tập, tập 3 (2001), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.431.
4. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 8, 12 (1996), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.185, 510
5. Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14 tháng 01 năm 1993 của BCH Trung ương Đảng (Khóa VII) Về Công tác thanh niên trong thời kỳ mới".

THƯƠNG MẠI HOÁ KẾT...

(Tiếp theo trang 10)

- Bước 3: Gửi công văn
- Bước 4: Xây dựng kế hoạch tham quan, thực hiện mối liên kết nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Hiện nay, doanh nghiệp còn e ngại việc khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu, sáng chế, đặc biệt là phối hợp với nhà nghiên cứu đầu tư phát triển nghiên cứu do lo sợ rủi ro nghiên cứu ứng dụng không thành công. Tuy nhiên, thời đại công nghiệp 4.0 hầu hết các doanh nghiệp thành công và tiên phong trong các lĩnh vực đều có chiến lược đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ, dành một phần thích hợp lợi nhuận cho hoạt động nghiên cứu của doanh nghiệp. Do vậy, có thể nói bước đầu việc liên kết, hợp tác và xa hơn là hoạt động thương mại hoá kết quả NCKH sẽ rất khó khăn. Tuy nhiên, nếu các trường đại học kiên trì chính sách đối với doanh nghiệp, nếu các trường thực sự quan tâm đến lợi ích của doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và sau cùng là lợi ích thiết thực của xã hội thì chắc chắn sẽ nhận được cơ hội cho mình.

3. Đăng ký bảo hộ sáng chế hay giải pháp hữu ích

Thực tế ở nước ta, các trường đại học chưa thực sự quan tâm đúng mức tới "đứa con trí tuệ" của mình, vẫn xem nhẹ việc thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nhất là việc đăng ký bảo hộ các sáng chế hay GPHI, đây chính là điều cản trở lớn đối với việc thương mại hoá các sản phẩm NCKH. Để khuyến khích các cá nhân, tổ chức ở các trường đăng ký sáng chế có thể áp dụng một số chính sách sau:

- Khi kết thúc các ý tưởng nghiên cứu (đã nghiệm thu để tài) cần có tổ chức KH&CN xây dựng cơ sở dữ liệu hay lập hồ sơ đánh giá các đề tài nghiên cứu sau khi đã nghiệm thu, đặt sự quan tâm đến thương mại hoá các kết quả NCKH.
- Khuyến khích các nhà khoa học đăng ký sáng chế trong khâu tuyển chọn đề tài
- Khen thưởng, hỗ trợ những người làm thủ tục xin cấp bằng bảo hộ và cơ chế khen thưởng cho sáng chế.
- Có đội ngũ hỗ trợ thầy cô viết bản mô tả, tìm tài liệu đối chứng khi viết bản mô tả sáng chế vì sản phẩm có thể rất tốt nhưng cách mô tả không đủ rõ ràng, mạch lạc sẽ khiến kiểm định viên bỏ qua.
- Thường xuyên tổ chức seminar mời các chuyên gia đầu ngành về sở hữu trí tuệ về nói chuyện chuyên đề sở hữu trí tuệ và thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ.

C. KẾT LUẬN

Cách mạng công nghệ 4.0 sẽ đặt các trường đại học đứng trước thách thức to lớn, việc gắn giáo dục đào tạo với NCKH là tất yếu khi KH&CN đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh của từng quốc gia. Trong thời gian qua, việc thực hiện mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp được các trường đại học quan tâm và xúc tiến dưới nhiều hình thức nhằm từng bước thực hiện "đào tạo những gì thị trường và doanh nghiệp cần". Thương mại hoá kết quả NCKH là cách tiếp cận hiệu quả nhằm gắn kết nhà trường và doanh nghiệp, cụ thể là giữa hoạt động nghiên cứu và sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (2013), Báo cáo hoạt động sở hữu trí tuệ thường niên 2013.
2. Nguyễn Văn Anh (2010), Tổ chức xúc tiến CGCN và kinh nghiệm quốc tế trong phát triển tổ chức xúc tiến CGCN. Báo cáo chuyên đề tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, tháng 11/2010.
3. Nguyễn Văn Anh. (2011) Thương mại hóa kết quả nghiên cứu - Nhìn từ góc độ của quá trình R&D. Tạp chí Hoạt động Khoa học, Số tháng 7 năm 2011, tr. 24-27
4. Diệu Huyền. (2013) Đẩy mạnh ứng dụng kết quả nghiên cứu trong trường đại học. <http://baodatviet.vn/khoa-hoc/cuc-so-huu-tri-tue/day-manh-ung-dung-ket-qua-nghien-cuu-trong-truong-dai-hoc-2359003/> ngày cập nhật 05/11/2013.
5. Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
6. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013.
7. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khoa-hoc-va-cong-nghe/Pages/Default.aspx?ItemID=4946>